



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐA ĐỘ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐA ĐỘ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 22

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

Chủ tịch Công ty và Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Chủ tịch Công ty và Ban Điều hành,



Đỗ Văn Trãi

Chủ tịch Công ty

Ngày 20 tháng 03 năm 2026

Số: 032005/2026/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ tịch Công ty và Ban Điều hành
Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Đa Độ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Đa Độ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 03 năm 2026, từ trang 5 đến trang 22 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Chủ tịch Công ty và Ban Điều hành

Chủ tịch Công ty và Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Công ty và Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Công ty và Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



CÔNG TY
TNHH
KIỂM TOÁN
QUỐC TẾ



Trần Thiện Thanh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2023-072-01
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

Đặng Thị Phương Thảo
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5169-2025-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		31.313.374.273	42.486.040.793
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.577.889.013	20.221.532.580
1. Tiền	111	V.1	5.577.889.013	20.221.532.580
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.658.849.130	21.657.104.774
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	29.266.158.229	19.343.527.841
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	160.338.043	157.728.776
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	2.078.901.399	7.687.951.598
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(5.846.548.541)	(5.532.103.441)
III. Hàng tồn kho	140	V.6	12.625.000	607.351.059
1. Hàng tồn kho	141		12.625.000	607.351.059
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		64.011.130	52.380
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9a	64.011.130	52.380
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		888.000.602.269	885.876.464.830
I. Tài sản cố định	220		887.707.053.977	885.539.126.412
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	887.707.053.977	885.539.126.412
- Nguyên giá	222		945.280.137.274	943.020.356.468
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57.573.083.297)	(57.481.230.056)
II. Tài sản dài hạn khác	260		293.548.292	337.338.418
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	293.548.292	337.338.418
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		919.313.976.542	928.362.505.623

NHÀ ĐẦU TƯ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		29.637.386.236	41.990.068.369
I. Nợ ngắn hạn	310		29.637.386.236	41.990.068.369
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	18.716.563.248	29.536.298.409
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	138.240.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9b	862.874.017	1.467.829.069
4. Phải trả người lao động	314		489.200.000	381.600.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	3.284.775.493	3.813.332.284
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.283.973.478	6.652.768.607
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		889.676.590.306	886.372.437.254
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	888.871.251.328	730.708.986.578
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		883.606.725.931	726.208.538.647
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.264.525.397	4.500.447.931
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		805.338.978	155.663.450.676
1. Nguồn kinh phí	431	V.12	805.338.978	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	155.663.450.676
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		919.313.976.542	928.362.505.623



Đỗ Văn Trãi
Chủ tịch Công ty

Đỗ Thị Khánh Hòa
Kế toán trưởng

Đào Thị Thu Loan
Người lập biểu
Ngày 20 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	93.107.529.111	98.476.529.822
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		93.107.529.111	98.476.529.822
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	76.675.376.706	83.308.130.655
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.432.152.405	15.168.399.167
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	44.625.763	24.600.038
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	10.768.800.580	10.327.912.890
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.707.977.588	4.865.086.315
11. Thu nhập khác	31		-	2.191.964.473
12. Chi phí khác	32	VI.5	33.499.327	104.688.090
13. Lợi nhuận khác	40		(33.499.327)	2.087.276.383
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.674.478.261	6.952.362.698
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	580.628.489	928.569.029
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.093.849.772	6.023.793.669



Đỗ Văn Trãi
Chủ tịch Công ty

Đỗ Thị Khánh Hòa
Kế toán trưởng

Đào Thị Thu Loan
Người lập biểu
Ngày 20 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	86.176.410.872	94.505.309.343
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(118.897.631.175)	(69.196.722.695)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(37.647.669.316)	(37.053.156.349)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(855.005.716)	(796.508.972)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	81.458.821.707	38.667.082.634
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(24.919.359.702)	(22.471.135.311)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(14.684.433.330)	3.654.868.650
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.836.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	2.191.964.473
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	44.625.763	24.600.038
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	40.789.763	2.216.564.511
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(14.643.643.567)	5.871.433.161
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	20.221.532.580	14.350.099.419
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.577.889.013	20.221.532.580



Đỗ Văn Trái
 Chủ tịch Công ty

Đỗ Thị Khánh Hòa
 Kế toán trưởng

Đào Thị Thu Loan
 Người lập biểu
 Ngày 20 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Đa Độ ("Công ty") là Công ty được chuyển đổi từ Công ty Quản lý Khai thác Công trình Thủy lợi Đa Độ theo Quyết định số 970/QĐ-UBND ngày 28 tháng 05 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200109974, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 21 tháng 07 năm 2025 do Sở Tài chính thành phố Hải Phòng cấp.

Chủ sở hữu của Công ty là UBND thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 638.000.000.000 đồng.

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là vận hành hệ thống tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp; Khai thác, xử lý và cung cấp nước: cung cấp nước cho dân sinh và các ngành kinh tế khác; Khai thác, nuôi trồng thủy sản; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, tiêu thoát nước; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: nạo vét sông ngòi, đắp đê làm kè; sửa chữa các công trình kỹ thuật công nghiệp, giao thông, thủy lợi, tiêu thoát nước; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: thiết kế công trình thủy lợi; Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác: tư vấn đầu thầu xây lắp công trình thủy lợi, tư vấn các phương pháp tưới tiêu khoa học.

Hoạt động chính của Công ty là vận hành hệ thống tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp; nạo vét, xây dựng công trình trong hệ thống; quản lý vốn có hiệu quả.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có văn phòng tại trụ sở chính tại Số 385 đường Hoàng Thiết Tâm (tỉnh lộ 360), Văn Tràng 1, xã An Lão, thành phố Hải Phòng và một chi nhánh.

Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên khai thác công trình thủy lợi Đa Độ - Xí nghiệp xây lắp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoạt động chi nhánh số 0200109974-006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 18 tháng 08 năm 2014 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi. Chi nhánh có địa chỉ tại Số 385 đường Hoàng Thiết Tâm (tỉnh lộ 360), Văn Tràng 1, xã An Lão, thành phố Hải Phòng. Ngành nghề kinh doanh chính là xây dựng các công trình chuyên dụng như nạo vét sông ngòi, đắp đê làm kè, sửa chữa các công trình kỹ thuật công nghiệp, giao thông, thủy lợi, tiêu thoát nước.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

6. Nhân viên

Số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 486 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 489 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực Kế toán, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán đang áp dụng

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Hướng dẫn kế toán mới đã được ban hành nhưng chưa có hiệu lực.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp,
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200,
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200 và,
- Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Các nội dung liên quan đến cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước như hướng dẫn tại Thông tư 200 vẫn tiếp tục được thực hiện.

Ban Điều hành Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các Báo cáo tài chính của Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Nghị định 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2018 quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Theo đó, đối với các công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước hoặc theo hình thức đối tác công tư: chi phí khấu hao tài sản cố định được tính trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi bao gồm: phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn, trang thiết bị, hệ thống thông tin quản lý vận hành và máy móc thiết bị quản lý dùng trong văn phòng.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	8 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, và chi phí sửa chữa tài sản. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Đối với hoạt động công ích doanh thu được xác định và ghi nhận theo số ghi thu giá dịch vụ thủy lợi và sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác trong năm.

Ghi nhận vào doanh thu trong năm tài chính là số tiền giá dịch vụ thủy lợi và sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Doanh nghiệp tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hợp đồng xây dựng (Tiếp theo)

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Thuế

Hoạt động công ích

Đối với hoạt động công ích Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Hoạt động ngoài công ích

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành là 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	838.503.479	477.405.648
Tiền gửi ngân hàng	4.739.385.534	19.744.126.932
Cộng	5.577.889.013	20.221.532.580

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Sở Nông nghiệp và môi trường	6.588.507.629	-
Xí nghiệp nuôi trồng thủy sản Kiến Thụy	5.152.800.000	5.058.800.000
Công ty TNHH Ô tô Chiến Thắng	3.110.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Tân Lộc	1.383.647.000	1.383.647.000
Các đối tượng khác	13.031.203.600	12.901.080.841
Cộng	29.266.158.229	19.343.527.841

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ông Nguyễn Hồng Quân	50.000.000	50.000.000
Công ty Cổ phần Hải Tính	49.115.214	49.115.214
Các đối tượng khác	61.222.829	58.613.562
Cộng	160.338.043	157.728.776

4. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	-	15.629.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	17.685.100	61.374.200
Chi sự nghiệp (*)	1.363.659.000	1.363.659.000
Phải thu ngân sách nhà nước cấp thiếu	-	5.569.049.000
Phải thu khác	697.557.299	678.240.398
Cộng	2.078.901.399	7.687.951.598

(*) Số phải thu khác tại thời điểm cuối năm là số tiền phải thu từ Ngân sách Nhà nước do chưa cấp đủ kinh phí so với số đã được thẩm định phê duyệt quyết toán.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỖ LỢI ĐA ĐỘ

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị có thể thu hồi VND
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND		
Xí nghiệp nuôi trồng Thủy sản	5.152.800.000	(4.497.800.000)	655.000.000	5.058.800.000	(4.123.800.000)	935.000.000
Phòng kinh tế quận Kiến An	575.503.000	(575.503.000)	-	575.503.000	(575.503.000)	-
Phòng Nông nghiệp huyện An Lão	298.901.000	(298.901.000)	-	298.901.000	(298.901.000)	-
Đối tượng khác	474.344.541	(474.344.541)	-	538.875.541	(533.899.441)	4.976.100
Cộng	6.501.548.541	(5.846.548.541)	655.000.000	6.472.079.541	(5.532.103.441)	939.976.100

6. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.625.000	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	607.351.059	-
Cộng	12.625.000	-	607.351.059	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI ĐA ĐỘ

Số 385 đường Hoàng Thiết Tâm (tỉnh lộ 360),
Vân Trang 1, Xã An Lão, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	925.102.636.037	13.088.473.168	3.214.809.270	1.614.437.993	943.020.356.468
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.920.017.000	-	-	-	3.920.017.000
Theo biên bản bàn giao tiếp nhận	764.193.000	-	-	-	764.193.000
Thanh lý TSCĐ	(2.424.429.194)	-	-	-	(2.424.429.194)
Số dư cuối năm	927.362.416.843	13.088.473.168	3.214.809.270	1.614.437.993	945.280.137.274
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	44.478.245.375	8.284.417.418	3.214.809.270	1.503.757.993	57.481.230.056
Khấu hao trong năm	310.947.043	-	-	35.620.000	346.567.043
Thanh lý TSCĐ	(254.713.802)	-	-	-	(254.713.802)
Số dư cuối năm	44.534.478.616	8.284.417.418	3.214.809.270	1.539.377.993	57.573.083.297
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	880.624.390.662	4.804.055.750	-	110.680.000	885.539.126.412
Số dư cuối năm	882.827.938.227	4.804.055.750	-	75.060.000	887.707.053.977

Nguyên giá Tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 14.952.875.733 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 14.886.000.733 đồng).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUYỀN LỢI ĐA ĐỘ

Số 385 đường Hoàng Thiết Tâm (tỉnh lộ 360),

Văn Tráng 1, Xã An Lão, Thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Kiến Tạo Hải Phòng	1.612.061.000	1.612.061.000	1.281.506.700	1.281.506.700
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Mai Hoa	1.520.482.000	1.520.482.000	624.412.800	624.412.800
Công ty TNHH Xây dựng Định Sơn	1.017.159.500	1.017.159.500	948.479.150	948.479.150
Các đối tượng khác	14.566.860.748	14.566.860.748	26.681.899.759	26.681.899.759
Cộng	18.716.563.248	18.716.563.248	29.536.298.409	29.536.298.409

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu								
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	64.011.130	222.067.528	222.067.528	286.026.278	52.380	52.380		
Cộng	64.011.130	222.067.528	222.067.528	286.026.278	52.380	52.380		
b) Các khoản phải nộp								
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	377.967.102	5.401.048.585	5.401.048.585	5.635.666.770	612.585.287	612.585.287		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	185.150.879	580.628.489	580.628.489	855.005.716	459.528.106	459.528.106		
Thuế thu nhập cá nhân	213.024.196	1.074.162.030	1.074.162.030	1.135.300.050	274.162.216	274.162.216		
Thuế tài nguyên	86.731.840	789.162.720	789.162.720	823.984.340	121.553.460	121.553.460		
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	4.000.000	-	-		
Cộng	862.874.017	7.849.001.824	7.849.001.824	8.453.956.876	1.467.829.069	1.467.829.069		

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐÀ ĐỘ**

Số 385 đường Hoàng Thiết Tâm (tỉnh lộ 360),
Văn Trảng 1, Xã An Lão, Thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(TIẾP THEO)**

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công cụ dụng cụ phân bổ	282.107.492	337.338.418
Chi phí trả trước khác	11.440.800	-
Cộng	293.548.292	337.338.418

11. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	337.170.320	243.401.887
Bảo hiểm xã hội	994.251.272	940.940.104
Bảo hiểm y tế	294.036.142	286.644.500
Bảo hiểm thất nghiệp	111.397.814	108.500.184
Các khoản phải trả khác	1.547.919.945	2.233.845.609
- Cơ quan chủ nhiệm công binh quân khu 3	706.278.000	706.278.000
- Các đối tượng khác	841.641.945	1.527.567.609
Cộng	3.284.775.493	3.813.332.284

12. NGUỒN KINH PHÍ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	-	8.495.319.000
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	44.593.901.000	39.134.844.104
- Chi sự nghiệp	43.788.562.022	47.630.163.104
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	805.338.978	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu		Quý đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	729.097.793.482	1.942.551.933			5.005.052.645	736.045.398.060	
- Vốn góp giảm trong năm	(2.889.254.835)	-	-	-	-	(2.889.254.835)	
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	6.023.793.669	6.023.793.669	
- Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(4.216.655.568)	(4.216.655.568)	
- Tạm trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.807.138.101	-	(1.807.138.101)	-	
- Trích quỹ đầu tư phát triển theo CV số 2801/UBND-TCNS ngày 19/12/2024 của UBND Thành phố	-	-	750.757.897	-	(750.757.897)	-	
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo CV số 2801/UBND-TCNS ngày 19/12/2024 của UBND Thành phố	-	-	-	-	(4.254.294.748)	(4.254.294.748)	
Số dư đầu năm nay	726.208.538.647	4.500.447.931				730.708.986.578	
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	5.093.849.772	5.093.849.772	
- Tạm trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	764.077.466	-	(764.077.466)	-	
- Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(4.329.772.306)	(4.329.772.306)	
- Giảm vốn chủ sở hữu các công trình thanh lý (tại Tờ trình 260/TTT-TLĐ ngày 12/9/2025)	(2.157.090.392)	-	-	-	-	(2.157.090.392)	
- Tăng nguồn vốn kinh doanh giảm nguồn hình thành tài sản theo Quyết định số 1810/QĐ-UBND ngày 11/6/2025 về việc giao quản lý tài sản	155.663.450.676	-	-	-	-	155.663.450.676	
- Tăng nguồn hình thành tài sản có định	3.891.827.000	-	-	-	-	3.891.827.000	
Số dư cuối năm nay	883.606.725.931	5.264.525.397				888.871.251.328	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu hoạt động công ích	40.473.995.391	41.464.028.488
Doanh thu bán nước thô	35.512.322.400	34.183.354.500
Doanh thu hợp đồng xây dựng	16.193.211.320	21.990.628.315
Doanh thu khác (công nhân vận hành)	928.000.000	838.518.519
Cộng	93.107.529.111	98.476.529.822

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hoạt động công ích và bán nước thô	60.554.827.790	61.700.951.695
Giá vốn hoạt động xây dựng	16.120.548.916	21.607.178.960
Cộng	76.675.376.706	83.308.130.655

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	44.625.763	24.600.038
Cộng	44.625.763	24.600.038

4. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.752.656.497	6.829.161.057
Chi phí đồ dùng văn phòng	404.024.459	378.961.485
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	186.575.701	181.736.748
Thuế, phí và lệ phí	951.197.498	951.849.160
Dự phòng phải thu khó đòi	314.445.100	374.317.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	289.021.428	332.309.438
Chi phí bằng tiền khác	1.870.879.897	1.279.577.602
Cộng	10.768.800.580	10.327.912.890

5. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chậm nộp, lãi bảo hiểm	33.499.327	104.688.090
Cộng	33.499.327	104.688.090

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

6. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	5.674.478.261	6.952.362.698
Lợi nhuận tính thuế TNDN	2.729.457.929	4.530.325.242
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.729.457.929	4.530.325.242
Chi phí không hợp lý	173.684.518	112.519.901
Thu nhập chịu thuế suất	2.903.142.447	4.642.845.143
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	580.628.489	928.569.029

7. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.257.542.496	11.101.920.115
Chi phí nhân công	50.785.904.801	52.225.424.657
Chi phí khấu hao tài sản cố định	346.567.043	343.334.119
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.208.246.221	21.041.498.718
Chi phí khác bằng tiền	4.595.150.737	4.538.330.452
Dự phòng phải thu khó đòi	314.445.100	374.317.400
Cộng	86.507.856.398	89.624.825.461

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty ký hợp đồng thuê đất số 196/HĐ-TĐ ngày 31/12/2013 với Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, thuê đất tại thị trấn Trường Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng (nay là xã An Lão, thành phố Hải Phòng) với mục đích xây dựng văn phòng làm việc. Thời hạn thuê đất 40 năm kể từ ngày 19/5/2005. Tổng diện tích đất thuê là 3.384 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng
Ông Đỗ Văn Trãi
Bà Phạm Thị Ngoan
Các thành viên khác trong Ban Điều hành Công ty

Mối quan hệ

Chủ sở hữu
Chủ tịch Công ty
Tổng Giám đốc

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của Chủ tịch Công ty, Ban Điều hành, Kế toán trưởng và Ban kiểm soát của Công ty:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Đỗ Văn Trãi - Chủ tịch Công ty	373.892.385	333.935.000
Bà Phạm Thị Ngoan - Tổng Giám đốc	351.107.000	295.035.000
Ông Nguyễn Trung Kiên - Nguyên Tổng Giám đốc (điều động công tác ngày 01/08/2024)	-	191.021.000
Ông Đồng Quang Đức - Phó Tổng Giám đốc	307.430.846	289.035.000
Ông Bùi Văn Tiến - Phó Tổng Giám đốc	307.430.846	289.035.000
Bà Vũ Thị Thu Trà - Kiểm soát viên	318.777.000	297.435.000
Bà Đỗ Thị Khánh Hòa - Kế toán trưởng	281.600.077	264.785.000
Cộng	1.940.238.154	1.960.281.000

3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.



Đỗ Văn Trãi
Chủ tịch Công ty

Đỗ Thị Khánh Hòa
Kế toán trưởng

Đào Thị Thu Loan
Người lập biểu
Ngày 20 tháng 03 năm 2026

Văn phòng **CÔNG TY**

Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex
Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân
TP. Hà Nội

☎ (024) 6664 2777

✉ contact@icpa.vn

Chi nhánh **SÀI GÒN**

Lầu 4, Tòa nhà Hải Âu TIC
39B Trường Sơn, Phường Tân Sơn Nhất,
TP. Hồ Chí Minh

☎ (028) 7303 2007

✉ saigon@icpa.vn

Chi nhánh **MIỀN TRUNG**

Tầng 2, Số NP2-14
Đại lộ Nguyễn Hoàng, Phường Hạc Thành,
Tỉnh Thanh Hoá

☎ (0237) 375 8959

✉ mientrung@icpa.vn

Chi nhánh **THÀNH CÔNG**

Tầng 2, Tòa nhà Nhà Việt,
Số 8 Đường V.I Lê Nin, Phường Vinh Phú,
Tỉnh Nghệ An

☎ (0238) 268 2888

✉ thanhcong@icpa.vn

HEAD Office

15th Floor, Center Building - Hapulico Complex
No. 1 Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan Ward
Ha Noi City

☎ (+84 24) 6664 2777

✉ contact@icpa.vn

SAI GON Branch

4th Floor, Hai Au TIC Building
39B Truong Son, Tan Son Nhat Ward
Ho Chi Minh City

☎ (+84 28) 7303 2007

✉ saigon@icpa.vn

CENTRAL Branch

02nd Floor, No. NP2-14
Nguyen Hoang Street, Hac Thanh Ward
Thanh Hoa Province

☎ (+84 237) 375 8959

✉ mientrung@icpa.vn

THANH CONG Branch

02nd Floor, Nha Viet Building
No. 8 V.I Le Nin Street, Vinh Phu Ward
Nghe An Province

☎ (+84 238) 268 2888

✉ thanhcong@icpa.vn

www.icpa.vn